

KHÁT VỌNG HẠNH PHÚC LỬA ĐÔI TRONG TRUYỆN THƠ CÁC DÂN TỘC ÍT NGƯỜI Ở VÙNG NÚI PHÍA BẮC

Nguyễn Thị Ái Thoa

Trường Đại học Phú Yên

Email: nguyenthiaithoa@pyu.edu.vn

Ngày nhận bài: 03/4/2024; Ngày nhận đăng: 15/10/2024

Tóm tắt

Trong truyện thơ các dân tộc ít người ở phía Bắc, nội dung đấu tranh cho quyền tự do yêu đương, cho quyền sống của con người trong xã hội cũ có thể xem là nội dung lớn, gắn liền với trào lưu nhân đạo chủ nghĩa. Đó là tiếng nói ca ngợi con người, cảm thông với nỗi khổ của con người, bênh vực con người, tố cáo các thế lực của chế độ phong kiến sơ kỳ đã kìm hãm và xâm phạm đến quyền sống của con người ... Qua đó, nhân dân khẳng định quyền được mưu cầu hạnh phúc trong tình yêu lứa đôi. Bài báo đi sâu phân tích và làm rõ những biểu hiện của khát vọng hạnh phúc lứa đôi trong truyện thơ các dân tộc ít người thông qua các tác phẩm tiêu biểu.

Từ khóa: khát vọng hạnh phúc, tình yêu đôi lứa, truyện thơ các dân tộc ít người, chủ nghĩa nhân đạo

The desire for happiness in the poems of the Northern ethnic minorities

Nguyen Thi Ai Thoa

Phu Yen University

Received: April 03, 2024; Accepted: October 15, 2024

Abstract

In the poems of the ethnic minorities in the North of Vietnam, the contents of fighting for freedom to love and for the rights to women's life in the old society can be considered a major content, associated with humanitarianism. It is a voice that praises people, sympathizes with human sufferings, defends people, denounces the forces of early feudalism that have restrained and violated people's rights to live... Thereby, people affirm their rights to pursue happiness in love. The article deeply analyzes and clarifies the expressions of the desire for marital happiness in the poems of ethnic minorities through some typical poems.

Keywords: happiness, love, poems of ethnic minority, humanitarianism

1. Đặt vấn đề

Vào thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII, chế độ phong kiến Việt Nam đang trên đà suy thoái. Đây cũng là thời kỳ mà phong trào khởi nghĩa nông dân diễn ra khắp nơi: từ Đàng Trong ra Đàng Ngoài, từ miền xuôi cho tới miền ngược... Những cuộc nổi dậy này lớn có, nhỏ có, kéo dài và nhóm lên ở

nhiều địa bàn đã làm cho các tập đoàn phong kiến Lê – Trịnh – Nguyễn lung lay và chao đảo. Sau cùng, phong trào Tây Sơn đã khắc vào lịch sử chiến công chói lọi khi đánh đổ ba triều vua chúa và bẻ gãy xâm lược, chấm dứt tình trạng phong kiến cát cứ, thống nhất nước nhà.

Ở khu vực miền núi phía Bắc, vào

khoảng thế kỷ XVI, các dân tộc ít người đã bước vào xã hội phong kiến thời kỳ đầu. Tuy nhiên, sự chuyển biến đó không hề đem lại cho người dân cuộc sống tốt đẹp hơn thời kỳ cộng đồng bộ lạc mà ngược lại, nó đẩy người dân vào những ách gông xiềng khốc liệt. Của cải và quyền lực tập trung vào một số ít là bọn lang đạo, phía tạo, còn đại đa số là người dân lao động bị tước đoạt mọi quyền lợi, sống vất vưởng, lầm than. Dân tộc Mường có câu tục ngữ đã đúc kết chế độ chiếm hữu và uy quyền tuyệt đối của bọn lãnh chúa lang đạo đối với người dân thường:

"Thượng ngọn tre, hạ ngọn cỏ, nhỏ là con bố con mẹ, lớn lên là con cun, con lang" (Nhiều tác giả, 1997, tr.542).

Tình hình đó đòi hỏi phải xuất hiện một thể loại văn học dân gian mới với tầm nhìn rộng lớn và mang một dung lượng cần thiết để phản ánh bức tranh hiện thực lúc bấy giờ trên mọi khía cạnh. Do đó, thể loại truyện thơ ra đời. Truyện thơ vừa có tính tự sự thông qua các yếu tố như cốt truyện, nhân vật, biến cố..., đồng thời vừa có tính trữ tình khi thể hiện thế giới tâm trạng, tình cảm của con người. Vì thế, nhà nghiên cứu Võ Quang Nhơn cho rằng, truyện thơ là *"một dấu nối giữa văn học truyền miệng và văn học thành văn"* (Nhiều tác giả, 1997, tr.780)

Đề tài trong truyện thơ khá phong phú. Chúng phản ánh hiện thực xã hội của các dân tộc anh em dưới nhiều khía cạnh và góc độ: thân phận của những người lao động nghèo, của những đứa trẻ mồ côi; khát vọng lập công vì chính nghĩa của các đảng nam nhi; diễn tả và phản ánh các mốc lịch sử lớn trong đời sống các dân tộc; đấu tranh cho quyền tự do yêu đương, cho quyền sống của người phụ nữ trong xã hội cũ. Trong đó, nội dung đấu tranh cho quyền tự do yêu đương, cho quyền sống của con người trong

xã hội cũ có thể xem là nội dung lớn, gắn liền với trào lưu nhân đạo chủ nghĩa. Đó là tiếng nói ca ngợi con người, cảm thông với nỗi khổ của con người, bênh vực con người, tố cáo các thế lực của chế độ phong kiến sơ kỳ đã kìm hãm và xâm phạm đến quyền sống của con người... Qua đó, nhân dân khẳng định quyền được mưu cầu hạnh phúc trong tình yêu lứa đôi. *Tiến dặn người yêu* (Thái), *Chàng Lú – nàng Úa* (Thái), *Nàng Nga – Hai Mối, Nàng Õm – chàng Bồng Hương* (Mường), *Nam Kim – Thị Đan* (Tày)... là những truyện thơ như vậy.

2. Nội dung

2.1. Nhận thức thẩm mỹ trong tình yêu

Các đôi trai gái trong truyện thơ các dân tộc ít người sớm có ý thức hướng về tình yêu tự nguyện và cao đẹp. Trong *Tiến dặn người yêu*, chị yêu anh dù gia cảnh anh nghèo khó. Bởi, chị và anh có cùng kỷ niệm về những tháng ngày thơ ấu, duyên tình của họ cũng bén rễ từ đó:

*Đôi ta như gốc cải xanh, như tàu dong mướt
Công cha mẹ nuôi lớn cùng thời*

Yêu nhau thuở mới ra đời

Trao duyên gửi nghĩa từ hồi còn thơ.

Tình yêu giữa nàng Õm – chàng Bồng Hương cũng bắt đầu từ những tháng năm tươi đẹp: cùng hái lá chung một con vườn, cùng ăn cơm, cá bên nhau dù bị ngăn cấm. Mỗi khi gặp gỡ, họ phải vượt bao suối thăm rừng hoang:

Anh trộm phép mẹ đùm com vào lá,

Anh trộm phép mẹ đùm cá vào bao

Anh vượt mấy dốc cao

Anh lội bao suối thăm

Ấn đi cùng anh cho đỡ thương đỡ nhớ.

(Nàng Õm – chàng Bồng Hương)

Chàng Lú – nàng Úa sinh cùng ngày, cùng tháng, cùng năm, từ nhỏ bên nhau quần quýt không rời như chim liền cánh, như cây liền cành. Tình yêu giữa họ cũng hình thành và nảy nở từ đó:

Nàng Úa nhỏ cùng anh Khun Lú
 Hai anh em như đôi ngọc đôi vàng
 Nũng nịu vui đùa như cặp uyên ương
 Kể vai sát mặt yêu thương.

(Chàng Lú – nàng Úa)

Còn nàng Nga – Hai Mối gặp gỡ khi cả hai
 cùng đi tìm người tri kỷ: nàng Nga đến chợ
 tìm chồng và Hai Mối ra chôn đống người
 tìm vợ. Để rồi sau đó, họ phải lòng nhau qua
 những lời ướm hỏi buổi ban đầu:

*Anh chẳng tham, chỉ vì làn da em trắng
 ngọc,*

*Anh cũng chẳng chê vóc con nhà người đen
 ngăm*

Chỉ ước cùng em nên nghĩa trăm năm

Để anh quyết thăm đi cho đến cửa.

(Nàng Nga – Hai Mối)

Mối tình của bao cô gái, chàng trai
 trong truyện thơ dệt nên từ bao ước vọng.
 Đó là những ước vọng lãng mạn của tuổi
 trẻ, của tình yêu đầu đời say đắm, thiết tha:

*Ta yêu nhau cùng chơi Khuống đến tận gà
 gáy*

Mang mộng về nhà lúc trăng xế đầu non

Thấy mật mù sương phủ bốn bề

Sương sa lấp mái đông thành tuyết

Mối tình càng vương vấn

Yêu nhau như nắm xôi nhuộm chặt

Trái tim này nữ sẽ làm đôi.

(Tiễn dặn người yêu)

Ước mơ cao nhất mà họ hướng đến là
 được cùng sống chung dưới một mái nhà,
 được đi đến hôn nhân để cùng nhau sẻ chia
 những buồn vui trong cuộc sống:

Anh ước được cùng em dựng nhà

*Khi ốm đau được cầm tay nhau săn sóc em
 ơi.*

(Tiễn dặn người yêu)

Ước được bên nhau mãi mãi

Chàng gặp nàng nặng nghĩa vợ chồng

Mãi mãi mong sao một gói kê chung.

(Chàng Lú – nàng Úa)

Nhưng sống trong xã hội đầy rẫy

những định kiến, họ cảm thấy bất an và luôn
 phấp phồng nguy cơ tan vỡ. Họ dự cảm về
 một tương lai mờ mịt, đau khổ và dờ dang:

Chặt cây sợ ngã không đứng hướng

Đẫn gỗ sợ ngã không xuôi chiều

(Tiễn dặn người yêu)

Trong tâm thức, họ khát khao thoát
 khỏi rào cản thực tại, bảo vệ tình yêu của
 mình với quyết tâm không gì lay chuyển
 nổi:

Nhưng đã yêu nhau thì ta sẽ quyết chí

Đã mến thời ta sẽ quyết tâm.

(Tiễn dặn người yêu)

2.2. Nỗi đau tan vỡ và bi kịch tình yêu

Tình yêu buổi ban đầu tha thiết là
 vậy, đắm say là vậy nhưng trước luật lệ hà
 khắc của chế độ phong kiến sơ kỳ, của nạn
 ép duyên, sau cùng các đôi trai gái đã không
 thể đến được cùng nhau và giấc mơ hạnh
 phúc chỉ còn là mộng tưởng. Nạn ép duyên
 có thể do quan niệm mê tín, do không hợp
 tuổi, hợp mệnh, nhưng phổ biến nhất là do
 tục thách cưới nặng nề, cha mẹ xem con gái
 như một món hàng và gả bán cho nhà giàu
 sang. Tục thách cưới khiến những chàng trai
 nghèo không thể có được người con gái
 mình yêu và mối tình của họ phải đối diện
 với bao ngang trái. Động lại là nỗi ê chề,
 chua xót khi ước mơ tươi đẹp đối lập với
 khả năng bị hạn chế của mình:

- Người như kia và mặt mày như vậy

*Chẳng đáng đội nón giấy Mừng Púa ven
 sông*

Không đáng ở nhà ta ngồi quán đan chài

(Tiễn dặn người yêu)

- Bạn tình hỡi, người yêu anh ơi!

Khác nào hoa tươi đỉnh núi

Mắt nhìn tay vươn chẳng tới

Ta ước tay ngắn như tay vươn

Mà tay lại dài như tay cóc.

(Tiễn dặn người yêu)

Sau đó, đôi bạn tình trong *Tiễn dặn
 người yêu* trải qua bao sóng gió: chị trải qua

hai đời chồng, sau lại bị đem ra chợ bán. Lúc ấy, giá trị của chị chỉ bằng một cuộn lá dong. Còn anh, anh có vợ, có con, có gia đình nhưng nơi sâu thẳm của trái tim vẫn nhớ thương mỗi tình đầu dang dở. Họ đã tìm lại được nhau. Tuổi trẻ không còn, sắc hương tàn lụi, chị chỉ như cái bóng lạng lẽ và u sầu nhưng anh vẫn dành cho chị tình yêu trọn vẹn của thuở nào:

*Ta yêu nhau không lấy được nhau mùa hạ
Đợi lấy nhau mùa đông
Không lấy được nhau khi còn tuổi trẻ
Đợi lấy nhau lúc góa
Dù cho góa hai lần, góa ba lần
Góa cổ cao lên ngắn
Tuy góa nhưng vẫn coi xinh hơn gái
Vẫn thấy má hồng hơn xưa
Vẫn thấy đảm đang như thời niên thiếu.*

(Tiễn dặn người yêu)

Còn nàng Nga – Hai Mối, nàng Ồm – chàng Bồng Hương, chàng Lú – nàng Ừa không có được may mắn đó. Cái chết của họ như một lời tố cáo, chống lại những bất công đã rẽ chia hạnh phúc lứa đôi.

*Con biển lên núi Làn Ai
Cho chuyện của con kéo dài
Chín đời sau cho bố mẹ làng còn nghe
Muôn đời sau cho chuyện nên về.*

(Nàng Ồm – chàng Bồng Hương)

Trong bài viết "Về mô hình cốt truyện của truyện thơ các dân tộc thiểu số" đăng trên *Tạp chí văn học*, số 7, tác giả Lê Trường Phát đã phân chia truyện thơ ra làm hai mô hình:

Mô hình thứ nhất là mô hình kết thúc có hậu: Gặp gỡ – tai biến/lưu lạc – đoàn viên (truyện thơ *Tiễn dặn người yêu*). Mô hình này giống với phần lớn truyện thơ Nôm người Kinh như *Tống Trân Cúc Hoa*, *Phạm Tải Ngọc Hoa*, *Phạm Công Cúc Hoa*.... Cuộc gặp gỡ của đôi nam nữ bao giờ cũng diễn ra như duyên trời định. Và họ chỉ hạnh phúc trong thời gian ngắn ngủi, sau

đó, biến cố xảy ra. Họ lưu lạc một thời gian khá lâu. Bằng ý chí, nghị lực và lòng thủy chung, họ đã vượt qua tất cả và cuối cùng được đoàn viên. Kết thúc này có phần lý tưởng và mang ý nghĩa biểu tượng.

Mô hình thứ hai là mô hình kết thúc bi kịch: Gặp gỡ và yêu nhau – bị ngăn cấm – một hoặc cả hai nhân vật chính đều chết (như các truyện thơ *Chàng Lú – Nàng Ừa*, *Nam Kim – Thị Đan*, *Nàng Ồm – chàng Bồng Hương*). Kết thúc này gần với hiện thực hơn.

Từ hai mô hình trên, có thể nhận thấy, kết thúc bi kịch là kết thúc thường gặp ở hầu hết các truyện thơ. Và tình yêu tự do, tự nguyện của lứa đôi rất khó cập được đến bến bờ hạnh phúc khi vấp phải sự cản trở của những định kiến, những hủ tục trong xã hội phong kiến sơ kỳ.

Trong *Tiễn dặn người yêu*, ông trời không chỉ được tác giả dân gian miêu tả như một hiện tượng tự nhiên, khách quan của vũ trụ mà ông trời hiện ra như một đấng siêu nhiên có sức mạnh vô hình chi phối tình yêu đôi lứa. Anh và chị yêu nhau tha thiết nhưng trong suy nghĩ của họ vẫn linh cảm có một thế lực sẽ chia rẽ họ, đó là Then – ông trời:

*Yêu nhau nhưng sợ Then không gả
Then gả nhưng sợ Trời không ưng*

Chàng Nam Kim, khi mất Thị Đan, đã quy do mệnh trời sắp đặt "*Tại số hay tại trời?*". Rõ ràng, đó là một thái độ bất lực, buông xuôi và đầu hàng trước nghịch cảnh.

Riêng những kẻ nhẫn tâm chia rẽ tình yêu của người khác thì xem trời là cứu cánh để ngụy biện cho hành động nhẫn tâm của mình. Người chồng của chị trong *Tiễn dặn người yêu* nói rằng:

*Trời cho thành lứa đôi
Kết hai ta thành chồng thành vợ.*

(Tiễn dặn người yêu)

Mẹ của Thị Đan thì vin vào số trời để ép duyên con gái:

*Số mệnh ta do trời đã định
Tốt xấu là do mệnh do trời
Con hãy tự nghĩ thân con
Mẹ đã nói hết lời, hết lẽ.*

(Nam Kim – Thị Đan)

Nếu như Then – ông trời trong truyện thơ thể hiện sức mạnh của những hủ tục hoặc gắn với sự nguy hiểm, nhân danh mệnh trời để chia rẽ hạnh phúc lứa đôi thì những người thân trong gia đình của các cô gái, chàng trai cũng lại là đối tượng gây ra nghịch cảnh. Nhà viết kịch Hy Lạp cổ đại Euripides đã từng nói "*Duy chỉ có nơi gia đình, con người ta mới tìm được chốn nương thân để chống lại tai ương của số phận*". Điều này quả không đúng với truyện thơ các dân tộc ít người. Ngược lại, tai ương của số phận lại bắt đầu từ gia đình. Bởi, gia đình ở đây chính là sự hiện diện mang tính thu nhỏ của xã hội mà người thực thi những bất công và tục lệ hà khắc không ai khác hơn chính là đấng sinh thành.

Người phụ nữ trong truyện thơ là một đối tượng chịu nhiều bị kịch và bất hạnh. Từ nhỏ đã phải chịu "*quyền cha, phép mẹ*", lớn lên không có quyền lựa chọn bạn đời. Cha mẹ của cô gái trong *Tiền dặn người yêu* nhận lễ dạm hỏi từ người đàn ông giàu có khi con gái mình còn làm việc ở trên nương. Khi cô gái trở về thì mọi sự đã rồi, cha mẹ lạnh lùng quay lưng, mặc cho con bé tắc và đau khổ. Cả người thân, dòng họ cũng ngoảnh mặt làm ngơ:

*Em lật đật chạy ra cửa
Lên tiếng trách ông chú
Giúp tôi với bà bác nhà bên
Lên tiếng trách ông chú
Giúp tôi với bà bác nhà trên
...Giúp tôi với chị cả nhà trong
Chị cả cũng không giúp
Chị đã ăn gói trầu không người ta đến gửi
Gói cau người ta đến dạm
Dây trầu không người ta ràng cuốn mắt rồi.*

(Tiền dặn người yêu)

Còn người đàn ông mà cô gái đem lòng yêu thương, khi mang lễ vật đến nhà thì bị khinh khi, ghét bỏ bởi anh gia cảnh nghèo khó:

*Bố mẹ em nói: mặt với mũi thế kia
Không đáng đội nón giấy ven sông
Không đáng đan chài ở ngoài hiên nhà tao
Quay về nhà mẹ để mày đi.*

(Tiền dặn người yêu)

Và hậu quả của nạn ép duyên chính là cuộc hôn nhân không tình yêu. Khi về làm dâu, cô gái bị chính người chồng đầu gối tay ấp hành hạ nhẫn tâm ngay trong tổ ấm – nơi mà chị những tưởng mình sẽ gắn bó trọn đời:

*Em ngã kê cối nơi lộn ngũ
Kê máng chõ lộn ăn
Thân em yêu nơi bụi bám đầy.*

(Tiền dặn người yêu)

Rồi cứ thế, những trận roi đòn vô căn cứ của gia đình chồng đã vùi dập cuộc đời chị trong khổ đau và nước mắt:

*Người chồng lấy gậy to về đánh
Lấy gậy dài về đập
Đánh em lúc gần tối
Đánh em như đập bỏ.*

(Tiền dặn người yêu)

Đứng trước sự ngăn cản của các thế lực gia đình và xã hội, các đôi trai gái đã làm gì để bảo vệ hạnh phúc của mình? Rõ ràng, trong cuộc chiến này, họ quá đơn độc, yếu ớt, lẻ loi. Họ có thể hiện tinh thần phản kháng, bằng nhiều hành động và mức độ khác nhau.

Chàng trai trong *Tiền dặn người yêu* từng thể hiện quyết tâm:

*Không lấy được em, anh làm loạn giữa nương
Không lấy được em, anh làm loạn giữa phủ.*

Cho đến khi đối diện với thực tại, anh thấy mình không đủ sức chống lại những thế lực kia. Thế nên, anh mơ ước mình có

được "phép lớn như phép rồng, phép cả như phép trời" để anh sử dụng quyền năng tối cao đó và giữ lại người con gái anh yêu. Sau cùng, anh hiểu được rằng, quyền năng lớn nhất có thể chi phối tất cả, đó chính là đồng tiền. Vì vậy, anh đành đi buôn để có đủ tiền cưới chị, dặn chị ở nhà kiên nhẫn lần nữa kéo dài thời gian với người đàn ông kia và chờ ngày đoàn tụ:

Bạc mười nén, anh sẽ chuộc em về

Vài năm trăm, anh sẽ cưới em ra.

(Tiễn dặn người yêu)

Nhưng rồi, mọi sự không như mong ước. Anh bôn ba quá lâu, chị đợi chờ trong mòn mỏi và bao nỗ lực trì hoãn trở nên vô nghĩa. Trước áp lực từ gia đình, từ hoàn cảnh, chị đành chấp nhận cuộc hôn nhân mua bán. Ngày anh trở về gặp chị cũng là ngày anh ngậm ngùi, cay đắng tiễn người yêu về nhà chồng :

Người thương yêu môn môn má hồng

Thân liễu yếu, anh xin ngồi tựa

Kê bên nhau áp ủ đượm hương

Để khi chết thêm dầu cho cháy

Để tiễn em lên nhà chồng...

(Tiễn dặn người yêu)

So với chàng trai, cô gái trong *Tiễn dặn người yêu* có tinh thần phản kháng mạnh mẽ hơn nhiều. Chị phản kháng lại bằng sự đấu tranh đến cùng. Trong lần lấy chồng thứ nhất, chị vẫn tỏ ra ngoan hiền và làm tròn bổn phận. Nhưng khi nhận ra bản chất xấu xa của bọn nhà giàu:

Lúc chưa lấy được em thì người ta năn nỉ

Đến khi lấy được thì dử nàng dâu xuống sàn ăn cám.

(Tiễn dặn người yêu)

thì chị đẹp bỏ lễ thói, mô phạm và phản kháng, chống trả quyết liệt trong lần lấy chồng thứ hai, đập đổ lối đạo đức giả tạo:

Giã gạo quăng chày

Phơi lúa còn giặt cót

Chông làm quan còn văng tục trước mặt

khách

Ra ngoài hiên chê bà chị

Ra hiên chê ông bác

Ở nhà chê mẹ chồng

Ra bến làm ống nước trôi.

(Tiễn dặn người yêu)

Dẫu chị biết, kết cục, mình phải trả giá. Một mặt, làm thế để được tự do trở về với người yêu, mặt khác, chị phủ nhận thực tại, phủ nhận những lễ thói, hủ tục đã trói buộc con người. Khác với các truyện thơ khác, *Tiễn dặn người yêu* không kết thúc bằng cái chết nhưng sự đoàn tụ của anh và chị là kết quả của bao đau khổ và đấu tranh: đấu tranh với xã hội và đấu tranh với chính mình.

Còn lại, phần lớn các nhân vật như Thị Đan, nàng Ờm, chàng Lú, nàng Ủa ...trong các truyện thơ khác đều tìm cái chết. Cái chết của họ thể hiện sự phản kháng mạnh mẽ, quyết liệt và thái độ phủ nhận xã hội, đồng thời cũng là phương thức hóa giải bi kịch. Cho dù giải pháp đó mang sắc màu tiêu cực nhưng nó cũng nói lên sự bết tắc trên con đường thực hiện khát vọng và mưu cầu hạnh phúc của các chàng trai, cô gái. Với họ, chỉ khi chết thì họ mới được mãi mãi bên nhau:

Nàng Nga ngã xuống bậc thang gốc

Chết ngã dọc nơi cửa chân man

Hồn đẹp vĩa ngoan

Đã về cùng Hai Mối.

(Nàng Nga – Hai Mối)

Nàng Ờm, khi phản kháng, đã bị cha mẹ – những con người bảo vệ hủ tục của chế độ phong kiến sơ kỳ – hành hạ tàn nhẫn chẳng tiếc thương. Và sau cùng, đoạn tuyệt với cuộc đời, đoạn tuyệt với thế gian, nàng Ờm – chàng Bồng Hương đã chọn cái chết để lớn tiếng tố cáo:

Ta đi ăn lá ngón cho nó hại thân

Ta đi thắt cổ cho nó hại người

Cửa nhà không nên là vì bố mẹ.

(Nàng Ồm – chàng Bồng Hương)

Nàng Ừa thì bao lần muốn từ bỏ mái nhà yêu để đến cùng Khun Lú. Gia đình – hai tiếng gọi thân thương ấy – trở thành nơi gieo rắc bao kinh hoàng và bất hạnh. Khi hạnh phúc không tròn, họ đã chọn cách quyên sinh và đoàn tụ ở cõi khác:

Đôi lứa gặp nhau nhìn nhau đăm đăm

Nước mắt chan hòa trên mặt,

Chàng ở sân trời đoạn tháng đoạn năm.

(Chàng Lú – nàng Ừa)

Cũng như Khun Lú – nàng Ừa, nàng Nga – Hai Mối đã dựng xây mái ấm nơi cõi chết, khước từ cuộc sống trần gian:

Về bên ma ta làm cửa

Về bên ma ta làm nhà.

(Nàng Nga – Hai Mối)

Kết thúc bi kịch của truyện thơ các dân tộc ít người phần nào cho thấy sự cay nghiệt của các hủ tục, của các định kiến xã hội lúc bấy giờ. Trong hoàn cảnh đó, tiếng nói về quyền mưu cầu hạnh phúc lứa đôi

càng vang lên mạnh mẽ, tha thiết hơn bao giờ hết. Nó góp phần tạo nên sự thức tỉnh lương tri và thúc đẩy tiến bộ xã hội.

3. Kết luận

Nhìn chung, truyện thơ các dân tộc ít người thể hiện khát vọng mãnh liệt về hạnh phúc lứa đôi. Khi đứng trước bao định kiến, ngăn trở của hủ tục, của các thế lực xã hội, những tình yêu tự do và tự nguyện ấy phần lớn không cập được bến bờ hạnh phúc (*Chàng Lú – nàng Ừa, Nam Kim – Thị Đan, Nàng Nga – Hai Mối, Nàng Ồm – chàng Bồng Hương*), hoặc nếu có đến được cùng nhau thì cũng trải qua bao mất mát, tủi nhục (*Tiến dặn người yêu*). Dù vậy, cảm hứng ngợi ca quyền tự do yêu đương, ngợi ca những giá trị nhân văn cao đẹp trong truyện thơ có sức lan tỏa mạnh mẽ. Để ngàn đời, bản tình ca về cuộc sống, về khát vọng hạnh phúc lứa đôi của những cô gái, chàng trai cứ mãi vang vọng trên những bản, mừng và khắp các rẻo cao □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lê Trường Phát (1997), "Về mô hình cốt truyện của truyện thơ các dân tộc thiểu số", *Tạp chí văn học*, số 7, tr. 52-56.
- Nhiều tác giả (1997), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Nhiều tác giả (2000), *Kho tàng truyện Nôm khuyết danh*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- Tiến dặn người yêu* (1961), Mạc Phi dịch, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
- Viện Văn học (1999), *Tuyển tập Văn học dân gian Việt Nam* (tập V), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.